TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU PHÚ** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 245/2017/DS-ST
Ngày: 27/12/2017
"V/v tranh chấp hợp đồng dịch vụ tưới tiêu".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Đ.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Trung Th;

2. Ông Nguyễn Ngọc B.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Võ Văn H - cán bộ Tòa án nhân dân huyện Châu Phú.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng V – Kiểm sát viên.

Ngày 25/12/2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 191/2016/TLST-DS ngày 04 tháng 11 năm 2016 về việc "*Tranh chấp hợp đồng dịch vụ tưới tiêu"* theo Quết định đưa vụ án ra xét xử số 258/2017/QĐST-DS ngày 15/11/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 184/2017/QĐST-DS ngày 07/12/2016, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Tổ hợp tác Th Th, địa chỉ: Ấp MT, xã MĐ, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có ông Bùi Hải L – Tổ trưởng Tổ hợp tác Thiện Thành.

- Bị đơn: Ông Trà Thanh T, sinh năm 1973 và bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1975, cùng nơi cư trú: Tổ 20, ấp Mỹ Thiện, xã Mỹ Đức, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

- Người có quyền lợi và nghĩ vụ liên quan: Ông Hà Thanh V (D), sinh năm 1981, nơi cư trú: Tổ 20, ấp Mỹ Thiện, xã Mỹ Đức, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

Đại diện Tổ hợp tác Th Th ông L có mặt; Bà Th, ông T, ông V đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Tổ hợp tác Th Th phục vụ tưới tiêu cho khu vực ấp Mỹ Thành và ấp Mỹ Thiện, xã Mỹ Đức, huyện Châu Phú từ năm 2006 đến nay. Trong thời gian qua phần lớn bà con có đất tại khu vực này đều đóng tiền tưới tiêu đầy đủ cho Tổ hợp tác. Riêng hộ ông , bà Th có canh tác 25.000m^2 đất trồng lúa nhưng vẫn chưa đóng tiền cho Tổ hợp tác từ năm 2007 đến nay mặc dù mỗi mùa vụ Tổ hợp tác đều có cử cán bộ đến thu tiền. Giá phí dịch vụ tưới tiêu mỗi năm là 54kg/năm/1000m^2, cụ thể: Vụ thu đông là 30kg trên 1.000m^2, vụ hè thu 12kg trên 1.000m^2, vụ đông xuân 12kg trên 1.000m^2. Do đó, Tổ hợp tác Th Th yêu cầu Tòa án buộc ông , bà Th phải trả phí phục vụ tưới tiêu là: **54kg/năm/1000m^2 X 25công X 09 năm = 12.150kg.**

Trong quá trình giải quyết, ông thừa nhận có canh tác đất trồng lúa với diện tích 25.000m^2 và có nợ phí dịch vụ của tổ hợp tác Th Th. Tuy nhiên, ông nợ từ vụ Đông Xuân năm 2008 đến vụ thu đông 2015, chứ không phải từ năm 2007 vì năm 2007 ông đã đóng phí dịch vụ cho tổ hợp tác đầy đủ. Đến đầu năm 2015 ông đã cho ông Hà Thanh V cầm cố 10.000m^2. Bên cạnh đó, ông chỉ lấy nước của Tổ hợp tác để tưới lúa vào vụ hè thu hàng năm nên ông chỉ đồng ý trả phí dịch vụ đối với vụ hè thu trên 25.000m^2 từ vụ đông xuân 2008 đến hết thu đông 2014. Năm 2015, ông chỉ đồng ý trả phí dịch vụ đối với 15.000m^2 cho vụ hè thu. Ông còn trình bày giá dịch vụ đối với vụ hè thu 12kg trên 1.000m^2 là cao nên ông đề nghị trả 10kg trên 1.000m^2 và thống nhất giá lúa là 4.500đ/kg.

Tổ hợp tác Th Th thống nhất giá lúa, và đồng ý cho vợ chồng ông trả phí dịch vụ từ từ vụ đông xuân 2008 đến hết thu đông 2014 trên diện tích 25.000m^2, đối với năm 2015 đồng ý thu phí dịch vụ đối với 15.000m^2 nhưng phải trả đủ ba vụ trong năm.

Tổ hợp tác và ông không thỏa thuận được toàn bộ vụ án và có đương sự vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Tòa án đã gửi thông báo cho bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan nhưng các đương sự vắng mặt không có lý do.

Tòa án nhiều lần mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các đương sự. Mặc dù, đã được triệu tập hợp lệ nhưng có đương sự vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và đã thông báo kết quả phiên họp cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cho các đương sự vắng mặt nhưng không ai không có ý kiến.

Tại phiên toà, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Tuy nhiên, về giá dịch vụ nguyên đơn đồng ý tính mức 27kg/1.000m^2 đối với vụ thu đông. Rút lại yêu cầu khởi kiện đối với phí dịch vụ năm 2007 và đối với phí dịch vụ trên 10.000m^2 của năm 2015.

Nguyên đơn xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho Tòa án, không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác, cũng không đề nghị Tòa án thu thập thêm chứng cứ.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật: đúng trình tự thủ tục.

+ Về việc giải quyết vụ án, đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tự nguyện rút lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Tổ hợp tác Th Th khởi kiện ông , bà Th về việc yêu cầu ông T, bà Th trả tiền phí dịch vụ tưới tiêu là tranh chấp về hợp đồng dân sự về dịch vụ thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; ông T, bà Th có nơi cư trú tại xã Mỹ Đức, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Châu Phú thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện: Đương sự không yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện nên không xem xét.

[2] Về nội dung:

Ông T, bà Th có diện tích 25.000m^2 đất trồng lúa tọa lạc tại ấp Mỹ Thiện, xã Mỹ Đức, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang nằm trong khu vực đê bao khép kín trồng lúa ba vụ thuộc khu vực Tổ hợp tác Th Th phục vụ tưới tiêu từ năm 2007 đến nay. Tuy nhiên, ông T, bà Th không đóng phí dịch vụ tưới tiêu cho Tổ hợp tác Th Th từ năm 2008 đến thời gian khởi kiện là năm 2015. Ông T thừa nhận là chưa đóng phí dịch vụ tưới tiêu cho Tổ hợp tác từ năm 2008 đến năm 2015, cụ thể là từ năm 2008 đến năm 2014 ông T, bà Th trực tiếp canh tác 25.000m^2, năm 2015 ông, bà chỉ canh tác 15.000m^2 do đã cầm cố 10.000m^2 cho ông V. Mặc dù thừa nhận chưa đóng phí dịch vụ cho Tổ hợp tác nhưng ông chỉ chấp nhận trả phí dịch vụ đối với vụ hè thu hàng năm với 10kg trên 1.000m^2, các vụ còn lại ông không đồng ý trả vì ông cho rằng không có sử Dng dịch vụ của Tổ hợp tác.

Tổ hợp tác Th Th phục vụ tưới tiêu cho ông T, bà Th cũng như các hộ dân khác không có hợp đồng riêng đối với từng hộ dân mà trên cơ sở hiệp thương giữa Tổ hợp tác với các hộ dân có đất trong khu vực đê bao. Bên cạnh đó, Tòa án có gửi công văn đề nghị Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Châu Phú cung cấp giá dịch vụ tưới tiêu. Ngày 07/3/2017 Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Châu Phú có công văn số 96/NN cung cấp mức thu phí dịch vụ bơm tưới tiêu của Tổ hợp tác Th Th như sau: vụ đông xuân, hè thu và thu đông từ năm 2012 đến 2016 mỗi vụ là 35kg trên 1.000m^2.

Để giải quyết vụ án được khách quan, chính xác Tòa án nhân dân huyện Châu Phú tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ, xác minh thu thập chứng cứ đều thể hiện Tổ hợp tác Th Th phục vụ tưới tiêu rất tốt cho bà con, hầu hết bà con nông dân đều trả phí dịch vụ tưới tiêu cho Tổ hợp tác đầy đủ; Đất của ông T, bà Th nằm sát kênh rạch có đường nước dùng để tưới tiêu rất thông thoáng để Tổ hợp tác cung ứng dịch vụ. Diện tích đất của ông, bà nằm hoàn toàn trong khu vực Tổ hợp tác bơm, rút nước nên việc ông cho rằng ông chỉ lấy nước tưới cho đất ông vào vụ hè thu là không có cơ sở. Tại thời điểm xem xét, thẩm định tại chỗ thì đất ông T, bà Th có cầm cố 10.000m^2 cho ông Hà Thanh V. Ngoài ra, không có người liên quan nào khác.

Tổ hợp tác Th Th thực hiện tưới tiêu nước nhằm phục vụ cho sản xuất lúa ba vụ là chủ trương chung của địa phương nhằm tăng sản lượng và tăng thu nhập cho người dân. Tổ hợp tác Th Th thực hiện đúng chủ trương và phục vụ tốt việc tưới tiêu nước cho người dân có đất trong khu vực mình phục vụ, trong đó có đất trồng lúa của ông T, bà Th nhưng ông , bà Th không thực hiện nghĩa vụ trả phí dịch vụ nên Tổ hợp tác khởi kiện là có căn cứ đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 515, Điều 519 Bộ luật dân sự.

Về giá dịch vụ: Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Châu Phú cung cấp mức thu phí dịch vụ bơm tưới tiêu của Tổ hợp tác Th Th đối với vụ đông xuân, hè thu và thu đông từ năm 2012 đến 2016 mỗi vụ là 35kg trên 1.000m^2. Tuy nhiên, Tổ hợp tác khởi kiện yêu cầu ông T, bà Th trả phí dịch vụ đối với vụ hè thu là 12kg trên 1.000m^2, vụ đông xuân là 12kg trên 1.000m^2 và vụ thu đông là 27kg trên 1.000m^2 là có lợi cho ông, bà nên xem xét chấp nhận. Bên cạnh đó, các bên thống nhất giá đối với 01kg lúa là 4.500đ (Bốn nghìn năm trăm đồng) để thu phí bằng tiền. Xét thấy giá lúa 4.500đ một kg là có lợi cho bị đơn nên xem xét chấp nhận.

Về lãi suất: Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên không xem xét.

Quá trình tố tụng, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với phí dịch vụ năm 2007, đối với phí dịch vụ trên 10.000m^2 của năm 2015 và 3kg lúa đối với vụ thu đông. Do đó, phải đình chỉ giải quyết đối với phần yêu cầu này.

Từ những cơ sở trên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định, ông T, bà Th phải có trách nhiệm liên đới trả cho Tổ hợp tác Th Th phí cung ứng dịch vụ tưới tiêu đối với 25.000m^2 từ năm 2008 đến hết năm 2014 là 25 X 51kg X 7 năm = 8.925kg X 4.500đ = 40.162.500đ và phí cung ứng dịch vụ tưới tiêu đối với năm 2015 là 15.000m^2 là 15 X 51kg X 1 năm = 765kg X 4.500đ = 3.442.500đ; Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với phí dịch vụ năm 2007, đối với phí dịch vụ trên 10.000m^2 của năm 2015 và 3kg lúa đối với vụ thu đông hàng năm.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông T, bà Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Tổ hợp tác Th Th không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Về chi phí tố tụng: Tổ hợp tác Th Th không phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ; Ông T, bà Th phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Ông T, bà Th có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho Tổ hợp tác Th Th chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp Dng các Điều 26,147,161, 267, 273, 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp Dng Điều 515, 519 BLDS 2015;

Áp Dng Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12, ngày 27/02/2009 quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Áp Dng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử Dng án phí, lệ phí tòa án.

Xử:

Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện đối với phí dịch vụ năm 2007; đối với phí dịch vụ trên 10.000m^2 của năm 2015 và 03kg lúa đối với vụ thu đông.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Tổ hợp tác Th Th.

Buộc ông T, bà Th phải có trách nhiệm liên đới trả cho Tổ hợp tác Th Th phí dịch vụ tưới tiêu là 43.605.000đ (Bốn mươi ba triệu, sáu trăm lẻ năm nghìn đồng).

Về chi phí tố tụng: Tổ hợp tác Th Th không phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Ông T, bà Th phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Ông T, bà Th có trách nhiệm hoàn trả cho Tổ hợp tác Th Th 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng) tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyết định chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông T, bà Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.180.250đ (Hai triệu, một trăm tám mươi nghìn, hai trăm năm mươi đồng);

Tổ hợp tác Th Th không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho Tổ hợp tác Th Th 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2015/0009450

ngày 04/11/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án Tổ hợp tác Th Th có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của Ông T, bà Th, ông D được tính từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hánh án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định của luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Viện KSND huyện Châu Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Thi hành án DS huyện Châu Phú (1);
- Các đương sự ;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Trần Văn Đức